TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 672/2025/DS-ST
Ngày: 14/5/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hồ Thị Thanh Dung

2/ Ông Lê Văn Lý

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thanh P - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2248/2024/TLST- DS ngày 31 tháng 10 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3751/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Trụ sở: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách T - sinh năm 1979

Địa chỉ liên lạc: Số F đường K, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 4039/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần S và văn bản ủy quyền số 134/2025/GUQ-PGDLĐ ngày 31/3/2025 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh T1 - Phòng G)

2/ Bị đơn: Ông Lê Văn N - sinh năm 1983

Tạm trú: Số A đường C, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2024 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng:

Ngày 24/10/2022, ông Lê Văn N đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 211251-9629 với hạn mức sử dụng là 250.000.000 đồng. Mục đích sử dụng thẻ tiêu dùng cá nhân, lãi suất và biểu phí sử dụng được quy định tại bản chấp thuận điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng S1.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 253.000.000 đồng, tính đến ngày 25/4/2024 ông N đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 134.302.062 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông N không trả nợ. Do ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 25/7/2024 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn. Tính đến thời điểm ngày 14/5/2025 thì ông N còn nợ số tiền gốc là 187.563.938 đồng, lãi quá hạn là 69.598.341 đồng. Do đó, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Ông Lê Văn N phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 14/5/2025 của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 24/10/2022, số thẻ 211251-9629 với số tiền 257.162.279 đồng, trong đó nợ gốc là 187.563.938 đồng và lãi quá hạn là 69.598.341 đồng.

- Ông Lê Văn N có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 15/5/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Ngày 31/3/2025, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu vắng mặt.

Ông Lê Văn N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường H thì ông N cư trú tại địa phương. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu vắng mặt, ông Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 24/10/2022 ông N đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng (bao gồm bản điều khoản và điều kiện cấp thẻ) và Ngân hàng đã cấp cho ông N thẻ tín dụng số thẻ 211251-9629 với hạn mức sử dụng là 250.000.000 đồng, lãi suất 33,20%/năm.

Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (tương ứng Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024) và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 253.000.000 đồng. Số tiền còn nợ tính đến hết ngày 14/5/2025 là 257.162.279 đồng, trong đó nợ gốc là 187.563.938 đồng và lãi quá hạn là 69.598.341 đồng. Do ông N đã vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng, không trả nợ đúng hạn nên nay Ngân hàng yêu cầu ông N thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 14/5/2025 là 257.162.279 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, ông N còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/5/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.858.114 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (tương ứng Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024);

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S:

Buộc ông Lê Văn N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn nợ tính đến hết ngày 14/5/2025 của hợp đồng cấp thẻ tín dụng ký ngày 24/10/2022, số thẻ 211251-9629 với số tiền nợ gốc là 187.563.938 (một trăm tám mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm ba mươi tám) đồng và lãi quá hạn là 69.598.341 (sáu mươi chín triệu năm trăm chín mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi mốt) đồng. Tổng số tiền ông Lê Văn N phải trả là 257.162.279 (hai trăm năm mươi bảy triệu một trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm bảy mươi chín) đồng.

Kể từ ngày 15/5/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Văn N còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký nêu trên.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn N phải nộp 12.858.114 (mười hai triệu tám trăm năm mươi tám ngàn một trăm mười bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 5.122.603 (năm triệu một trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm lẻ ba) đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044842 ngày 31/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Thủy